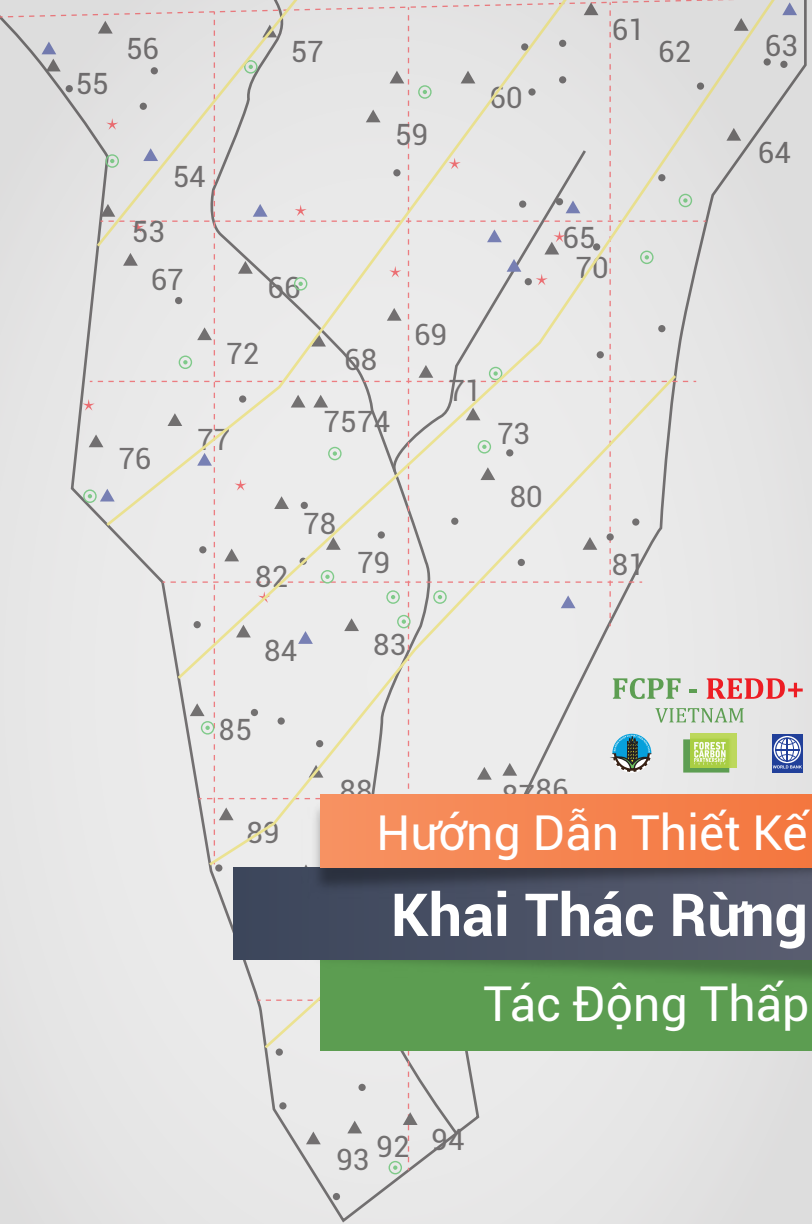


Tree Location Map



FCPF - REDD+
VIETNAM



Hướng Dẫn Thiết Kế

Khai Thác Rừng

Tác Động Thấp

Tháng 3 - 2016

MỤC LỤC

1. Mục tiêu.....	4
2. Các bước thực hiện.....	6
3. Thiết kế khai thác.....	8
3.1 Xác định khu khai thác và các biện pháp hạn chế trong khai thác.....	9
3.2 Bài cây và lập sơ đồ vị trí cây.....	10
3.3 Dự kiến đường vận xuất, vận chuyển.....	19
3.4 Đánh giá tính khả thi về kinh tế.....	20
3.5 Cắm mốc đường vận xuất, vận chuyển.....	21
3.6 Xây dựng và phê duyệt hồ sơ thiết kế khai thác.....	21

Phụ lục

1. Bảng hiệu chỉnh chiều dài.....	24
2. Phiếu bài cây.....	26
3. Phiếu bài cây chặt bài thái.....	28

Danh mục các bảng

Bảng 1: Ký hiệu và đặc điểm của các cây trong phiếu “Bài cây và treo thẻ bài”.....	15
--	----

Danh mục các biểu đồ

Biểu đồ 1: Ví dụ phiếu bài cây và treo thẻ bài.....	16
Biểu đồ 2: Ví dụ về sơ đồ vị trí cây (khu khai thác thử nghiệm tại lâm trường M'Drak).....	18







1 MỤC TIÊU

2 CÁC BƯỚC THỰC HIỆN



Thiết kế khai thác phải tuân thủ nguyên tắc là khi thực hiện khai thác phải giảm thiểu thiệt hại gây ra cho các cây còn lại, nhằm đảm bảo các cây tiềm năng không bị tàn phá và đạt kích cỡ khai thác trong thời gian ngắn nhất.

Thiết kế khai thác gồm các bước chính như sau:

1. Xác định khu khai thác và quyết định các biện pháp hạn chế trong khai thác;
2. Bài cây và lập sơ đồ vị trí cây;
3. Dự kiến đường vận xuất và vận chuyển;
4. Đánh giá tính khả thi về kinh tế;
5. Đóng cọc mốc đường vận xuất, vận chuyển;
6. Xây dựng và phê duyệt hồ sơ thiết kế khai thác.

Chủ rừng chịu trách nhiệm thiết kế khai thác, chủ rừng cũng có thể hợp đồng với công ty tư vấn độc lập thiết kế khai thác.

A photograph of a dirt path winding through a dense forest. The path is made of reddish-brown soil and is flanked by tall, thin trees and lush green vegetation. The sky is visible through the canopy, appearing overcast. A dark brown rectangular box is overlaid on the bottom left of the image, containing white text.

3 THIẾT KẾ KHAI THÁC

3.1

Xác định khu khai thác và các biện pháp hạn chế trong khai thác

Tiểu khu và khoảnh đưa vào khai thác phải được xác định từ trước trong phương án quản lý rừng. Khi xây dựng kế hoạch khai thác, tiểu khu có rừng giàu và trung bình được lựa chọn đưa vào khai thác sẽ được chia nhỏ ra thành các lô khai thác. Mỗi lô có diện tích từ 5-10 ha, mỗi lô được coi như là một khu khai thác.

Vẽ “bản đồ ngoại nghiệp”, tỷ lệ 1:1000 trên nền địa

hình VN2000, vẽ ranh giới tiểu khu, khoảnh và lô. Đánh số khoảnh theo số thứ tự và số hiệu lô theo bảng chữ cái Việt Nam.

Dựa vào báo cáo và bản đồ chức năng rừng để xác định các biện pháp hạn chế. Các biện pháp hạn chế khai thác có thể ảnh hưởng đến công việc bài cây, thời gian cho hoạt động khai thác và công nghệ sử dụng trong khai thác.

3.2

Bài cây và lập sơ đồ vị trí cây

Tiến hành đồng thời các hoạt động sau:

- Cắm mốc ranh giới khu khai thác;
- Thiết lập các tuyến và lưới cơ sở;
- Xác định diện tích loại trừ;
- Bài cây;
- Lập sơ đồ vị trí cây.

Cắm mốc ranh giới khu khai thác

Khảo sát địa hình và cắm mốc ranh giới khu khai thác với sự trợ giúp của thiết bị GPS. Phát tuyến 0,5m đối với ranh giới lô và 1m đối với ranh giới khoảnh. Đánh dấu vào cây nằm trên ranh giới theo quy định là đánh dấu một vạch

đường thẳng đứng đối với ranh giới lô, hai vạch đường song song là ranh giới khoảnh và ba vạch là ranh giới tiểu khu.

Thiết lập các tuyến và lưới cơ sở

Để lập sơ đồ vị trí cây và tiến hành bài cây, khu khai thác được chia ra thành các ô vuông có kích thước 50*50m. Việc chia các ô này được tiến hành bằng cách thiết lập các tuyến cách nhau 50m. Mạng lưới ô vuông đã được thiết kế trong phòng và chuyển họa lên bản đồ ngoại nghiệp. Tiến hành đánh số cho các ô trong lưới như sau: Khoảng giữa các tuyến được đánh chữ A, B, C... và khoảng cách giữa các

ô 50m vuông góc với các tuyến đánh số 1, 2, 3...

Lập sơ đồ vị trí cây bắt đầu bằng việc đánh dấu các tuyến ngoài hiện trường, sử dụng địa bàn, thước dây hoặc thước đo khoảng cách lazer và GPS. Giao điểm của một tuyến với khu khai thác cần được đánh dấu rõ ràng ngoài hiện trường bằng một đoạn gỗ chắc khoẻ cắm xuống đất ghi rõ số hiệu của tuyến (ví dụ "A"). Xác định giao điểm của một tuyến với ranh giới ở phía bên kia, nếu cần, và điều chỉnh tương ứng trên bản đồ ngoại nghiệp. Lưu ý là cần tiến hành điều chỉnh để thống nhất giữa bản đồ với ngoài hiện trường.

Dọc theo các tuyến, cứ 10m lại thiết lập một mốc, trên mốc ghi rõ vị trí (đánh số, ví dụ: B2-20m). Ở nơi có độ dốc

trên 20°, cần hiệu chỉnh chiều dài theo độ dốc. Xem bảng hiệu chỉnh chiều dài theo độ dốc trong phần phụ lục.

Xác định diện tích loại trừ

Trong quá trình bài cây, phải đánh dấu những diện tích loại trừ (không sản xuất gỗ) lên bản đồ ngoại nghiệp. Khu vực không sản xuất gỗ bao gồm những diện tích có các chức năng sau:

- Phòng hộ dọc sông suối: dọc hai bên bờ sông suối, tối thiểu 10m đối với suối cạn, 20m đối với suối có nước chảy trong mùa, và 30m với suối lớn chảy thường xuyên;
- Bảo vệ đất: Địa hình có độ dốc đứng (trên 35°) và những diện tích dốc có khả năng xói mòn;
- Bảo vệ hiện trường văn hoá: Hiện trường văn

hoá, khảo cổ, tôn giáo, địa danh lịch sử...

- Bảo vệ động vật hoang dã: Nơi động vật hoang dã cư trú và sinh sản;

- Bảo vệ nguồn cung cấp nước: suối và những khu vực ngập nước là nguồn cung cấp nước tại chỗ cho địa phương.

Bài cây

Để xác định cây bài phải đo đường kính 1,3m và chiều cao dưới cành tất cả các cây đạt cấp kính khai thác tối thiểu theo quy định hiện hành cho từng vùng và đánh số thứ tự trên cây bằng sơn. Ưu tiên bài cây mẹ gieo giống, yêu cầu 4 cây mẹ/1ha bài bằng sơn vàng vạch quanh thân ở vị trí 1,3m. Cây bài chặt lựa chọn cây bài có đường kính lớn trước và nhỏ dần nhưng không quá 18 cây/1ha, đánh dấu cây bằng sơn đỏ, một dấu bài

ở phía trên dốc, một dấu ở phía dưới dốc chỗ chiều cao ngang ngực. Chấm toạ độ của tất cả cây đo vào "Phiếu bài cây". Ghi lại toàn bộ thông tin như số cây, vị trí, loại cây, loài, đường kính (chính xác đến xen-ti-mét), chiều cao dưới cành (đến từng mét) và chất lượng cây.

Đánh dấu cây bảo vệ bằng sơn trắng vòng quanh thân cây tại chiều cao ngang ngực. Những vòng sơn trắng đánh dấu này phải sơn sao cho dễ nhận ra. Trong quá trình khai thác phải cẩn thận không được gây thiệt hại hoặc huỷ hoại những cây bảo vệ này.

Những cây sau đây được coi là cây bảo vệ:

- Loài quý hiếm có giá trị cao được liệt kê trong Sách đỏ và Nghị định 32/2006/NĐ-CP về danh mục các loài động thực

vật hoang dã quý hiếm ở Việt Nam.

- Các cây mà người dân sở tại đang sử dụng để lấy mật, nhựa, làm thuốc...

- Cây làm nơi sinh sản, cư trú của các loài động vật hoang dã.

- Những cây mọc trên khu vực dốc đứng, những nơi dễ xảy ra xói

mòn, đá lăn, ngập nước và có diện tích quá nhỏ không thể khoanh vẽ lên bản đồ được.

Sau khi đã hoàn thành bài cây trên một dải (diện tích giữa hai tuyến), phải sơ bộ xác định được cây giống và các cây sẽ chặt theo quy tắc bài cây sau đây:

NĂM QUY TẮC BÀI CÂY

(i) Cây giống

Cần giữ lại ít nhất 4 cây giống/1ha, mỗi ô 50m² giữ lại một cây giống (lưu ý: nếu có thể nên giữ lại cây giống gần tâm của ô). Cây giống phải là cây gỗ có giá trị cao (gỗ nhóm 1 - 4) có chất lượng tốt (A) và phải có khả năng sản xuất hạt giống (không chọn cây đã quá thuần thực). Nếu có thể, khi lựa chọn cây giống cần thay đổi các loài khác nhau trong các ô 50m². Đánh dấu vĩnh cửu cây giống bằng sơn vàng xung quanh thân cây tại chiều cao ngang ngực.

(ii) Cây chất lượng C (chặt bài thải)

Chỉ bài chặt cây chất lượng C nếu thấy cần thiết, vì lý do lâm sinh hoặc lý do an toàn (chặt bài thải). Nếu cây chất lượng C thuộc tầng tán trên thì xử lý như cây khai thác (16 - C), nếu cây thuộc tầng tán trung hoặc tầng thấp, phải chặt bỏ và không được tính (16 + C) vào số cây khai thác.

Số lượng cây bài chặt tối đa là 16 - 18 cây trên một ha. Ở những nơi địa hình xung yếu, số lượng này giảm xuống còn 12 cây. Khi lựa chọn cây khai thác cần tuân thủ các quy tắc sau:

(iii) Quy tắc khoảng cách

- Tổng số cây chặt trong 4 ô vuông 50*50m (1 ha) là 16 - 18 cây
- Số cây chặt tối đa trong mỗi ô vuông là 5 (trong trường hợp lấy thêm 1 cây để bù cho ô khác)
- Số cây chặt lý tưởng là mỗi tiểu ô (25*25m) không quá 1 cây
- Khoảng cách tối thiểu giữa 2 cây là 10m
- Nếu 2 cây đứng quá gần nhau cùng một hướng đổ thì tính như là 1 cây

(iv) Quy tắc về đường kính

Ưu tiên chọn khai thác những cây có đường kính lớn nhất trước và nhỏ dần đến khi đủ 16 - 18 cây/1ha, nếu có thể.

(v) Quy tắc lâm sinh

- Nếu có điều kiện thì thay đổi các loài được lựa chọn

- Những cây đứng gần kề với cây tiềm năng thì được chặt hạ trước (sẽ xác định tại hiện trường)

Tùy thuộc vào đặc điểm của các cây, ghi ký hiệu vào “Phiếu bài cây” như trong bảng dưới đây. Cây giống đánh dấu màu xanh và cây bảo vệ đánh dấu màu đỏ, cây khai thác đánh dấu màu đen.

Bảng 1: Ký hiệu và đặc điểm của các cây trong phiếu “Bài cây và treo thẻ bài”

Loại cây	Ký hiệu	“Loại”
Cây giống	O	M
Cây bảo vệ	☀	P
Cây khai thác	▲	H
Cây chất lượng C, cần chặt bỏ, tằm tán trên	▲	CH
Cây chất lượng C, cần chặt bỏ, tằm tán dưới	Δ	C
Cây giữ lại	•	-

Lưu ý: Việc xác định cây khai thác ở giai đoạn này chỉ mang tính sơ bộ vì sau khi dự kiến đường vận xuất, vận chuyển, thì việc lựa chọn cây khai thác có thể có thay đổi vì ngoài lý do kinh tế ra thì cần phải quan tâm đến khoảng cách đến đường vận xuất và vận chuyển kế tiếp. Vì những cây đã lựa chọn vẫn chưa được đóng dấu bài nên việc lựa chọn lại cây khai thác sẽ được thực hiện trong giai đoạn sau khi đường vận xuất và vận chuyển đã được đánh dấu trên thực địa (xem chương 6: Dự kiến đường vận xuất và vận chuyển).

Biểu đồ 1: Ví dụ phiếu bài cây và treo thẻ bài

Tree Marking and Tagging List											
SFE: <i>K'Veak</i>		Loc: <i>N5-L20</i>		Off: <i>Hai'</i>		Date: <i>26.9.09</i>					
Line No.	Direction	Tree No.	Plot	Sub-Plot	Type	Species	dbh	Log (m)	Tag No.		
4	N 30° E	31	4	a	CH	<i>Cha chao</i>	92	14	C		
		30	4	a	-	<i>Cha te</i>	62	11	B		
		23	4	a	-	<i>Cha so</i>	52	13	B		
		28	4	a	H	<i>Cha chao</i>	70	14	A		
		35	4	b	H	<i>Cha chao</i>	92	16	A		
		27	4	c	-	<i>Tham mang</i>	53	13	A		
		26	4	c	H	<i>Cha chao</i>	56	12	A		
		34	4	d	M	<i>Tham mang</i>	27	14	A		
		33	4	d	-	<i>Cha so</i>	52	14	A		
		25	4	d	-	<i>Cha te</i>	52	12	B		
3	N 30° E	23	3	a	-	<i>Thao danh</i>	53	14	A		
		20	3	a	-	<i>Cha mang</i>	224	14	B		
		32	3	b	-	<i>Cha da</i>	52	12	A		
		12	3	b	H	<i>Cha so</i>	50	11	B		
		36	3	b	CH	<i>TRM</i>	43	11	C		
		38	3	b	H	<i>Thao danh</i>	44	11	A		
		20	3	c	H	<i>Cha chao</i>	72	16	A		
		14	3	c	M	<i>Cha chao</i>	49	14	A		
		16	3	d	M	<i>Su</i>	52	11	B		
		17	3	d	H	<i>Cha chao</i>	72	15	A		
2	N 30° E	18	2	b	H	<i>Cha chao</i>	67	11	B		
		15	2	b	-	<i>M50</i>	67	11	B		
		10	2	c	M	<i>S00</i>	50	11	A		
		11	2	c	H	<i>Cha chao</i>	57	13	A		
		4	2	d	M	<i>Cam thi</i>	52	10	B		
		13	2	d	HC	<i>Sau cau</i>	42	11	C		
		5	2	a	-	<i>Tham mang</i>	52	11	A		
		4	2	a	-	<i>Cha so</i>	52	15	B		
		3	2	b	H	<i>Cha chao</i>	85	11	A		
		10	2	c	H	<i>Cha chao</i>	31	16	A		
1	N 30° E	8	1	c	CH	<i>Khaon</i>	50	9	C		
		6	1	c	H	<i>Cha chao</i>	60	14	A		
		4	1	c	-	<i>Cha chao</i>	56	16	B		
		5	1	d	M	<i>Cam thi</i>	51	16	B		
		2	1	d	M	<i>Cha chao</i>	43	13	A		
		7	1	d	H	<i>Cha chao</i>	83	16	A		
		24	3	a	-	<i>Cha so</i>	52	10	B		
		27	3	a	H	<i>Cha chao</i>	21	14	A		
		Remarks							Additional trees		
		In plot 2: small stream with buffer zone WRP Plot 3,4: old field area									

Mother tree = ○ (M); Pollinated tree = ○ (P); C-Tree = △ (C); C-Tree harvestable = ▲ (CH); Harvestable Tree = ▲ (H).

Trong phiếu điều tra trên, diện tích phòng hộ dọc sông suối được chỉ ra (ô 2) là khu vực không sản xuất gỗ. Hơn nữa, một con đường khai thác cũ được phác thảo trong ô 3 và 4. Trong mỗi ô có một cây giống. Tổng số cây sẽ khai thác là 17 cây trong đó 13 cây đạt tiêu chuẩn khai thác, 4 cây cần phải chặt vì lý do làm vệ sinh rừng. Trong số 4 cây này, 2 cây thuộc tầng tán cao và được tính (cây số 13, 31) vào số cây khai thác và 2 cây không phải cây ưu thế và không được tính vào số cây khai thác (cây số 9, 36). Do đó, tổng số cây khai thác là 15 cây.

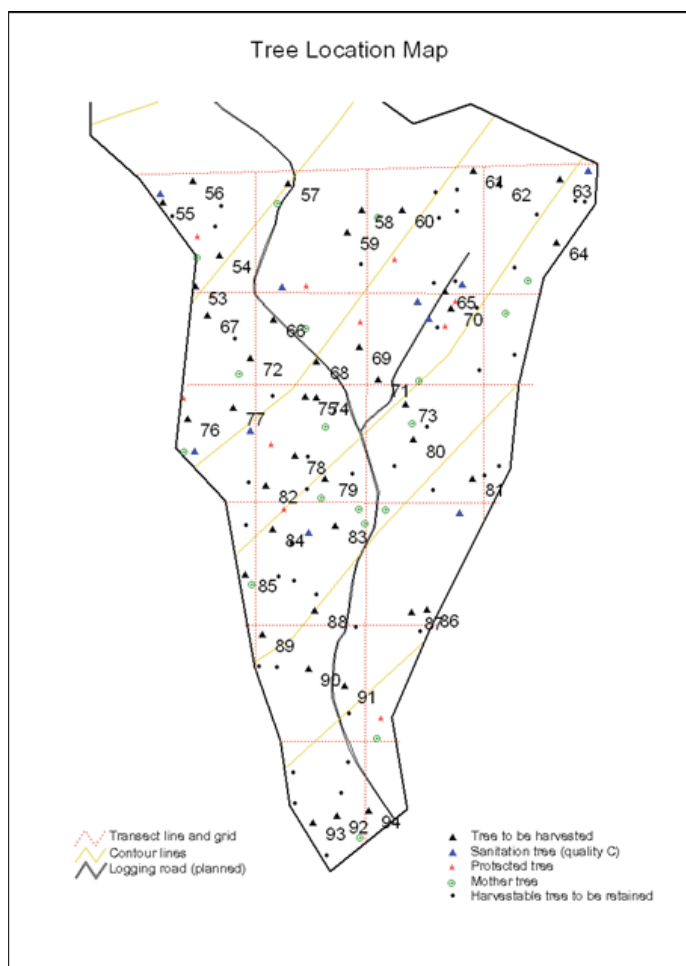
Lập sơ đồ vị trí cây

Tất cả thông tin từ phiếu "Bài cây" sẽ được đưa vào "Bản đồ ngoại nghiệp" tỷ lệ 1:1000. Trong đó có:

- Đường vận xuất và vận chuyển đã có;
- Khu vực Không sản xuất gỗ theo chức năng;
- Toạ độ cây (sử dụng ký hiệu và số cây như trong phiếu "Bài cây");
- Khu vực loại trừ ven suối và bảo vệ động vật, nơi cư trú.

Như vậy là hoàn thành "Sơ đồ vị trí cây". Nếu có thể, thông tin cần được số hoá và lưu trữ vào cơ sở dữ liệu GIS. Với mỗi loài cây, cần có riêng một đề mục theo số cây, loài cây và số đo.

Biểu đồ 2: Ví dụ về sơ đồ vị trí cây (khu khai thác thử nghiệm tại lâm trường M'Drak)



3.3

Dự kiến đường vận xuất, vận chuyển

Tất cả các cơ sở hạ tầng như đường xá phải được ghi rõ vào Phiếu Bài cây. Trong phiếu này có thể gồm cả những con đường trước đây đã có, đường bị bỏ hoang không sử dụng nữa, đường vận xuất, bãi gỗ cũ. Nếu có thể tận dụng được, thì đường vận xuất, vận chuyển mới cần được xây dựng trên chính những tuyến đường đã có sẵn đó. Nếu mở đường mới thì phải đảm bảo đó là phương án tối ưu, ít gây tác hại đến môi trường và đảm bảo an toàn cho người và xe.

Căn cứ vào "sơ đồ vị trí cây", sẽ dự kiến được đường vận xuất, vận chuyển, bãi gỗ theo các

bước trong Hướng dẫn Khai thác tác động thấp.

ĐIỀU QUAN TRỌNG CẦN LƯU Ý: Tận dụng lại đường vận xuất, vận chuyển đã có sẵn từ trước ở bất cứ nơi nào có thể.

Khi thực hiện xong bước này, có thể điều chỉnh việc lựa chọn cây bài chặt xét theo các yếu tố kinh tế. Tại điểm cuối đường vận xuất đóng một cọc mốc báo hiệu máy vận xuất không được vượt qua để kéo gỗ, hạn chế tác động môi trường.

Căn cứ vào đường vận xuất dự kiến để bài cây và xác định rõ hướng cây đổ.

3.4

Đánh giá tính khả thi về kinh tế

Trước khi đi đến quyết định có tiến hành khai thác trên một diện tích rừng hay không, cần đánh giá tính khả thi về kinh tế, việc đánh giá này gồm các bước sau:

Tính trữ lượng, sản lượng khai thác

Sau khi đã lựa chọn xong cây bài chặt, cần tính tổng trữ lượng cây bài chặt bằng cách sử dụng Bảng thể tích đã được cập nhật. Trữ lượng, sản lượng cây đứng cần được tính cụ thể riêng cho từng loài, nhóm loài.

Ước tính chi phí khai thác

Xác định thiết bị khai thác sẽ sử dụng và các chỉ tiêu định mức thực

tế. Ước tính chi phí khai thác trên cơ sở xem xét địa hình, khoảng cách khai thác bình quân, chi phí nhân công và máy móc.

Tính chi phí làm đường

Tính toán chi phí mở đường khu khai thác. Ước tính tổng diện tích khai thác, chiều dài đường vận xuất mới và tính toán chi phí làm đường bình quân trên một ha. Sau đó tính tổng chi phí làm đường.

Tính lợi nhuận dự kiến từ khai thác gỗ

Tính toán tổng lợi nhuận dự kiến từ khai thác bằng cách nhân tổng khối lượng khai thác của từng nhóm gỗ với giá gỗ

binh quân sau đó trừ đi toàn bộ chi phí xem có lợi nhuận hay không.

Đánh giá tính khả thi

So sánh tổng chi phí khai thác (chi phí khai

thác + chi phí làm đường) với tổng doanh thu. Nếu doanh thu lớn hơn chi phí thì hoạt động khai thác đạt hiệu quả kinh tế và sẽ được tổ chức thực hiện.

3.5

Cắm mốc đường vận xuất, vận chuyển

Đánh dấu đường vận xuất, vận chuyển và bãi gỗ ngoài hiện trường, đánh dấu cây bài chặt thải (ví dụ: cây chặt làm vệ sinh), sau đó đo đếm và tính khối lượng gỗ từ những cây này và cộng vào tổng trữ lượng gỗ khai thác. Xác định cây bài chặt căn cứ vào sơ đồ vị trí cây và số hiệu ghi trên cây.

3.6

Xây dựng và phê duyệt hồ sơ thiết kế khai thác

Hồ sơ thiết kế khai thác gồm:

- Sơ đồ vị trí cây trong đó có đường vận xuất, vận chuyển, bãi gỗ dự kiến;
- Phiếu bài cây;
- Trữ lượng khai thác theo từng nhóm gỗ;
- Các cây sẽ khai thác dọc theo đường vận xuất, vận chuyển và bãi gỗ;
- Thông số kỹ thuật của đường vận xuất, vận chuyển;
- Tính toán chi phí, lợi nhuận gồm cả ước tính khối lượng.





Phụ lục 1: Bảng hiệu chỉnh chiều dài

Độ dốc	Hệ số	Chiều dài			
Độ	hiệu chỉnh	10m	20m	25m	50m
10	0,985	10,15	20,31	25,39	50,77
11	0,982	10,19	20,37	25,47	50,94
12	0,978	10,22	20,45	25,56	51,12
13	0,974	10,26	20,53	25,66	51,32
14	0,970	10,31	20,61	25,77	51,53
15	0,966	10,35	20,71	25,88	51,76
16	0,961	10,40	20,81	26,01	52,01
17	0,956	10,46	20,91	26,14	52,28
18	0,951	10,51	21,03	26,29	52,57
19	0,946	10,58	21,15	26,44	52,88
20	0,940	10,64	21,28	26,60	53,21
21	0,934	10,71	21,42	26,78	53,56
22	0,927	10,79	21,57	26,96	53,93
23	0,921	10,86	21,73	27,16	54,32
24	0,914	10,95	21,89	27,37	54,73
25	0,906	11,03	22,07	27,58	55,17
26	0,899	11,13	22,25	27,82	55,63
27	0,891	11,22	22,45	28,06	56,12
28	0,883	11,33	22,65	28,31	56,63
29	0,875	11,43	22,87	28,58	57,17
30	0,866	11,55	23,09	28,87	57,74
31	0,857	11,67	23,33	29,17	58,33
32	0,848	11,79	23,58	29,48	58,96
33	0,839	11,92	23,85	29,81	59,62
34	0,829	12,06	24,12	30,16	60,31
35	0,819	12,21	24,42	30,52	61,04

36	0,809	12,36	24,72	30,90	61,80
37	0,799	12,52	25,04	31,30	62,61
38	0,788	12,69	25,38	31,73	63,45
39	0,777	12,87	25,74	32,17	64,34
40	0,766	13,05	26,11	32,64	65,27
41	0,755	13,25	26,50	33,13	66,25
42	0,743	13,46	26,91	33,64	67,28
43	0,731	13,67	27,35	34,18	68,37
44	0,719	13,90	27,80	34,75	69,51
45	0,707	14,14	28,28	35,36	70,71

Phụ lục 2: Phiếu bài cây

Phiếu bài cây												
Lâm trường	Địa chỉ		Cán bộ đi bài	Ngày								
Ô Số	Tuyến	Cây		Ô	Tiểu ô	Loại	Loại	Loài	Dbh	Lóng (m)	Số thẻ	
	Hướng	Số	Số									
	a											
		b										
	c											
		d										
Khoảng cách (m)												

Phụ lục 3: Phiếu bài cây chặt bài thải

Phiếu bài cây chặt bài thải					
Lâm trường và địa chỉ		Ngày		Cán bộ đi bài	
Loài	Mục đích chặt vệ sinh	Dbh	Lóng		Số thẻ bài
			Chiều cao	Chất lượng	

DỰ ÁN HỖ TRỢ CHUẨN BỊ SẴN SÀNG THỰC HIỆN REDD+ Ở VIỆT NAM

P043, 14 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội

Điện thoại: 04 3728 6495 * Fax: 04 3728 6496

Email: fcpf.pmu@vietnam-fcpf.vn

Website: www.vietnam-redd.org